

- Trong thời gian qua, đã xuất hiện một số HTX có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng trên phạm vi nhiều tỉnh, doanh thu cao hàng trăm tỷ đồng (như HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Anh Đào (Lâm Đồng), HTX Evergrowth (Sóc Trăng), HTX bò sữa Tân Thông Hội (Tp Hồ Chí Minh)... Đây là những mô hình HTX kiểu mới làm ăn có hiệu quả cần được nghiên cứu, đánh giá để nhân rộng.

- Trình độ cán bộ quản lý HTX được nâng cao rõ rệt. Một số HTX có đội ngũ cán bộ tâm huyết, có kinh nghiệm, nhạy bén với cơ chế thị trường, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của HTX.

Đây là những dấu hiệu đáng mừng, cho thấy KTTT, HTX đang phục hồi và phát triển đúng hướng, chứng minh việc ban hành Luật Hợp tác xã 2012 thay thế luật Hợp tác xã năm 2003 và những chỉ đạo của Bộ Chính trị trong Kết luận 56-KL/TW ngày 21/02/2013 là hoàn toàn đúng đắn. Mô hình hợp tác xã kiểu mới rất phù hợp với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ra, vừa khuyến khích kinh tế cộng đồng thành viên hợp tác xã, vừa tôn trọng và nâng cao vị thế kinh tế hộ thành viên, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Tuy đạt được một số thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung khu vực KTTT, HTX vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Phong trào KTTT, HTX phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Sự tồn tại, hạn chế thể hiện ở cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, bản thân HTX và công tác thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX, cụ thể như sau:

### **2.1. Về pháp luật, cơ chế, chính sách**

- Một số quy định còn chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc có hướng dẫn thì chưa khả thi dẫn đến khó triển khai, như: Xác định tài sản không chia, xử lý tài sản không chia sau chuyển đổi, giải thể HTX; thủ tục giải thể bắt buộc đối với HTX; hướng dẫn chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác; hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp; công tác kiểm toán đối với HTX...

- Luật Hợp tác xã 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hợp tác xã nhưng thực tế các chính sách này đi vào cuộc sống không nhiều. Có chính sách hầu như chưa thực hiện được như chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp. Một số chính sách thực hiện chưa hiệu quả như chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm...; số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế.

- Một số chính sách hỗ trợ được ban hành phân tán, chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi, chưa được hướng dẫn cụ thể, thiếu nguồn lực; thiếu kiểm tra, thanh

tra, giám sát việc thi hành Luật Hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

## **2.2. Về tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách**

- Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX kéo dài và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện Luật gặp nhiều khó khăn.

- Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về pháp luật hợp tác xã chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao dẫn đến nhận thức về pháp luật HTX chưa thống nhất. Một số địa phương còn lúng túng trong việc triển khai một số quy định mới của luật như: quy định làm hợp đồng dịch vụ giữa HTX với các thành viên, mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, sản phẩm, dịch vụ của HTX cho thành viên... Bên cạnh đó, do thiếu cập nhật kiến thức, pháp luật HTX nên chính quyền cấp xã một số nơi đã gây trở ngại cho các sáng lập viên, cán bộ HTX khi giao dịch, đăng ký thành lập hoặc thay đổi nội dung đăng ký HTX, hoặc can thiệp quá sâu vào hoạt động của HTX, ảnh hưởng đến việc tự chủ và hiệu quả kinh doanh của HTX.

- Một số địa phương vẫn chưa thấy rõ vai trò của HTX trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên mới chỉ dừng lại ở chủ trương, chưa có chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, không có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các HTX trong quá trình thực hiện.

- Công tác phối hợp trong việc thực hiện báo cáo thống kê giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt nên rất khó khăn trong việc tổng hợp. Không có hệ thống số liệu về KTTT, HTX hoặc nếu có thì không đầy đủ, không cập nhật, chưa chính xác.

- Chưa xây dựng được nhiều mô hình HTX kiểu mới quy mô lớn, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản thông qua hợp đồng kinh tế. Việc phổ biến, nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả chưa được triển khai rộng rãi giúp cho người dân tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do HTX mang lại.

## **2.3. Về bản thân HTX**

- Đa số các HTX có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết. Khả năng huy động vốn của các hộ thành viên rất hạn chế, khó vay vốn trung hạn, dài hạn từ ngân hàng. Một số HTX chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường, sự gắn kết lợi ích giữa HTX và thành viên mờ nhạt, chưa mang tinh thần hợp tác. Lợi ích kinh tế trực tiếp do HTX mang lại cho thành viên chưa nhiều. Việc liên kết, liên doanh giữa HTX với HTX, giữa HTX với các thành phần kinh tế khác còn ít, hiệu quả chưa cao.

- Một số HTX thực hiện đăng ký lại còn hình thức, phương thức hoạt động không thay đổi, chưa đáp ứng được các quy định của Luật HTX năm 2012 (không ít HTX vẫn còn tình trạng thành viên không góp vốn, chưa điều chỉnh vốn góp tối đa từ 30% vốn điều lệ xuống mức 20% vốn điều lệ. Một số HTX chưa tổ chức ký kết hợp đồng dịch vụ, chưa cấp giấy chứng nhận góp vốn. Việc đánh giá lại tài sản, xác định lại tư cách thành viên, việc xác nhận vốn góp cho các thành viên đã chết, mất tích hoặc bỏ trốn khỏi địa phương, không có người thừa kế còn lúng túng).

- Công tác kế toán, tài chính của HTX chưa được thực hiện nghiêm túc, bài bản, do đó chế độ báo cáo của HTX chưa thường xuyên. Việc xây dựng báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

#### ***2.4. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX***

- Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa yếu vừa thiếu và vừa phân tán; đa phần là đơn vị, cán bộ kiêm nhiệm; chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX tại địa phương dàn trải ở nhiều cơ quan, nhiều đơn vị khác nhau; chưa có tổ chức bộ máy, cán bộ chuyên trách thống nhất từ Trung ương tới địa phương để tập trung trí tuệ, sức lực nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết, pháp luật và chính sách về KTTT.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức về HTX.

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX còn hạn chế, chưa kịp thời xử lý vi phạm pháp luật của HTX, các cá nhân, tổ chức liên quan.

### **3. Nguyên nhân**

#### ***3.1. Nguyên nhân khách quan***

- Chưa có sự quan tâm đúng mức của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, định hướng, xây dựng cơ chế chính sách, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho KTTT, HTX phát triển.

- Bộ máy quản lý nhà nước về HTX chưa được kiện toàn theo yêu cầu, đội ngũ cán bộ tham mưu về quản lý nhà nước về HTX chưa nắm chắc chuyên môn, thiếu thực tế, nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về HTX còn hạn chế.

- Tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế gặp nhiều khó khăn, bất ổn nên nguồn lực hỗ trợ cho KTTT, HTX còn hạn chế.

#### ***3.2. Nguyên nhân chủ quan***

- Nhận thức về phát triển KTTT, HTX của một bộ phận cán bộ các cấp và nhân dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng vai trò bản chất của HTX kiểu mới. Nhiều HTX chưa nhận thấy sự khác biệt quan trọng giữa Luật HTX 2003 và Luật HTX 2012 nên chưa thực hiện đầy đủ quy định của Luật, vẫn hoạt động theo kiểu “*bình mới, rượu cũ*”. Một số HTX hoạt động còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước (điển hình là các HTX kiểu cũ vùng đồng bằng sông Hồng).

- Trình độ nhận thức, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn yếu, chưa được đào tạo bài bản. Tâm lý chung của cán bộ HTX không muốn làm lâu dài do thu nhập thấp, chưa ổn định và một số nơi chưa được tham gia bảo hiểm xã hội. Lao động có tay nghề cao trong các HTX đang dần bị mai một, chưa được trẻ hóa để thay thế kịp thời hoặc bị thu hút sang các loại hình khác có sức hấp dẫn hơn.

- Phương thức sản xuất tự do, nhỏ lẻ đã trở thành thói quen, giữ vai trò chủ đạo trong tư duy sản xuất của người nông dân. Trong khi đó, có rất ít mô hình liên kết sản xuất thành công, có hiệu quả để tuyên truyền, nhất là các chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa.

- Tâm lý e ngại đối với HTX kiểu cũ vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong đông đảo tầng lớp nhân dân, trong khi HTX kiểu mới chưa thực sự huy động được sự tham gia của thành viên vào các hoạt động của HTX, chưa thể hiện được tinh thần hợp tác của tổ chức.

#### **IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM, GIẢI PHÁP**

##### **1. Bài học kinh nghiệm**

Việc triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 trong hơn 4 năm qua đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm như sau:

*Thứ nhất*, cần phải thống nhất nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân về HTX. Phải coi HTX là tổ chức kinh tế tự chủ do người dân tự thành lập và tổ chức quản lý, xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng chung của người dân. Do vậy, HTX phải chủ động xây dựng, duy trì và phát triển HTX bằng năng lực nội tại của chính mình, tránh trông chờ, ỉ lại vào các hỗ trợ của nhà nước, các tổ chức bên ngoài.

*Thứ hai*, ở đâu cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm vào cuộc đồng bộ quyết liệt thì ở đó phong trào KTTT, HTX phát triển. Các cấp quản lý nhà nước phải chỉ đạo sát sao đối với việc phát triển KTTT, HTX nhưng không được áp đặt một cách chủ quan duy ý chí, không can thiệp quá sâu và hoạt động của các HTX. Phải tạo điều kiện cho thành viên thật sự là người chủ của HTX nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các thành viên và HTX.

*Thứ ba*, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kinh nghiệm về HTX phải được quan tâm, chú trọng. Việc xây dựng, tổng kết, phổ biến nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa chủ lực, có quy mô lớn, có sức lan tỏa ở các địa phương được thực hiện một cách nghiêm túc và hiệu quả.

*Thứ tư*, bộ máy quản lý nhà nước cần được quan tâm củng cố. Cán bộ quản lý nhà nước cần được bồi dưỡng, đào tạo, cập nhật thường xuyên các kiến thức, kinh nghiệm quản lý HTX trong và ngoài nước, đảm bảo có trình độ năng lực, có khả năng tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác định hướng, phát triển KTTT, HTX kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Công tác kiểm tra, giám sát thi hành luật phải được thực hiện định kỳ, chấn chỉnh kịp thời những trường hợp sai phạm cũng như hoạt động yếu kém, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của quản lý nhà nước nói riêng và hoạt động của khu vực HTX nói chung.

*Thứ năm*, các nghiên cứu, điều tra, đánh giá, khảo sát về khu vực HTX phải được tiến hành thường xuyên. Cơ sở dữ liệu về HTX, tổ hợp tác phải được bổ sung, cập nhật liên tục, làm cơ sở cho việc đánh giá khách quan, chính xác về các tổ chức KTTT, tìm ra được những nguyên nhân cản trở sự phát triển của HTX. Trên cơ sở đó, kiến nghị xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ HTX, tổ hợp tác đồng bộ, phù hợp với thực tế, tránh bao cấp đồng thời đảm bảo khả thi, có hiệu quả.

*Thứ sáu*, trong bối cảnh nguồn lực tài chính và nguồn lực cán bộ, bộ máy tổ chức còn hạn chế, cần thiết phải tập trung nguồn lực cho việc phát triển HTX, liên hiệp HTX đối với các ngành sản phẩm có quy mô thị trường lớn, có tác động lan tỏa tích cực theo mô hình liên kết ngành tạo chuỗi giá trị bền vững và xây dựng HTX cộng đồng theo tiêu chí nông thôn mới.

*Thứ bảy*, người đứng đầu các tổ chức KTTT, HTX quyết định sự phát triển, hiệu quả của tổ chức kinh tế này. Hơn ai hết, các tổ chức KTTT, HTX rất cần những người đứng đầu có tâm, có nhiệt huyết và có trình độ. HTX nào có chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc có trình độ Đại học trở lên đều phát triển tốt, nắm bắt tốt xu hướng hội nhập, dẫn dắt HTX đi đến thành công.

## **2. Giải pháp**

**2.1. Tiếp tục tập trung tuyên truyền, tập huấn sâu rộng về pháp luật HTX:** Đây là giải pháp của mọi giải pháp, là giải pháp trọng tâm và xuyên suốt trong thời gian tới. Tập trung giáo dục, đào tạo, tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức cho toàn bộ hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ Luật Hợp tác xã năm 2012, bản chất mô hình HTX kiểu mới, hiểu rõ các giá trị và 07 nguyên tắc hợp tác xã, sự khác nhau giữa HTX kiểu cũ

và kiểu mới; vai trò và lợi ích của tổ chức HTX trong phát triển nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội đất nước nói chung. Đặc biệt chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân hiểu được tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) luôn là vấn đề chiến lược Đảng đặt ra. Phát triển KTTT là nội hàm của tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. HTX chính là liên kết của các hộ nông dân, phát triển KTTT, HTX không làm mất đi vai trò của kinh tế hộ mà còn nâng đỡ, phát huy sức mạnh cho kinh tế hộ phát triển. Hiệu quả của HTX chính là hiệu quả của hộ gia đình, HTX phát triển thì đời sống hộ thành viên nói riêng và nông thôn nói chung tăng lên. Không có mô hình nào phù hợp với nông dân Việt Nam hơn mô hình HTX, không chỉ giúp nông dân thoát nghèo mà hoàn toàn có thể làm giàu.

## ***2.2. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX 2012; khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển KTTT, HTX của Nhà nước***

- Tiếp tục rà soát các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX 2012 để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế như: thủ tục đăng ký, giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc HTX.... Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về KTTT, HTX trên toàn quốc. Hướng dẫn quy trình chuyển đổi HTX sang loại hình tổ chức khác. Hướng dẫn xử lý các khoản nợ, tài sản không chia khi bị giải thể, chuyển đổi. Hướng dẫn thành lập doanh nghiệp trong các HTX;...

- Xem xét ban hành một số cơ chế, chính sách đối với các doanh nghiệp khi tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa mà Hợp tác xã là trung tâm của mối liên kết nhằm khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các Hợp tác xã trong quá trình sản xuất kinh doanh; xây dựng Chương trình hỗ trợ HTX xuất khẩu, xây dựng xuất xứ hàng hóa, thương hiệu cho các HTX.

Ban hành những quy định cụ thể để triển khai xây dựng mối liên kết bốn nhà, trong đó HTX giữ vai trò trung gian, vai trò đại diện cho những người sản xuất là các hộ gia đình cá thể. Khuyến khích hình thức hợp tác giữa nhà sản xuất với nhà khoa học thông qua đơn đặt hàng và nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật.

- Thực hiện và tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, phù hợp bản chất (tránh bao cấp), nhu cầu, trình độ phát triển của tổ chức hợp tác xã và phù hợp với khả năng nguồn lực của nhà nước. Chú ý chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là cán bộ quản lý cho hợp tác xã. Chính sách hỗ trợ phải mang lại lợi ích cho các thành viên của tổ chức kinh tế tập thể, hỗ trợ tổ chức hợp tác xã phát triển vững chắc, đồng thời bảo đảm phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm, tự vươn lên của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, tránh sự ỷ lại chính sách hỗ trợ của Nhà nước hoặc hạn chế tính tự chủ vươn lên của tổ

chức hợp tác xã. Có chính sách ưu tiên đối với các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, địa bàn khó khăn.

- Tiếp tục huy động, tranh thủ nguồn lực từ các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể trong nước và quốc tế tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể.

- Trong điều kiện nguồn ngân sách hạn hẹp, nhà nước cần có những giải pháp trọng tâm để hỗ trợ xây dựng thí điểm một số chuỗi giá trị hành hóa chủ lực để từ đó nhân rộng. Tránh tình trạng chính sách hỗ trợ ban hành cụ thể nhưng không có nguồn lực thực hiện cụ thể.

**2.3. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX:** Kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về KTTT từ Trung ương đến địa phương, từ tỉnh đến huyện, thị xã và cơ sở nhất là tăng cường công tác đăng ký HTX. Thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật hợp tác xã, xử lý vi phạm pháp luật HTX, đi đôi với việc cần thiết phải huy động cả hệ thống chính trị trong việc phát triển KTTT, phát huy sự tham gia tích cực của người dân, tổ chức trong phát triển KTTT, HTX. Phát huy vai trò của các thành viên Ban chỉ đạo Phát triển KTTT, HTX, chủ động và tích cực phối hợp giữa các ngành, địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTTT. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về HTX, ưu tiên hàng đầu là bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý và tư duy kinh tế, thương mại cho những người phụ trách các HTX. Quan tâm củng cố, tạo điều kiện để Liên minh HTX các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

**2.4. Xây dựng mô hình hợp tác xã và tổng kết mô hình:** Nghiên cứu, khảo sát mô hình kinh tế tập thể có hiệu quả, bố trí nguồn lực hỗ trợ cho việc xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX điển. Lựa chọn một số HTX có quy mô phù hợp để hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết chuỗi với doanh nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tập trung thực hiện Kế hoạch thí điểm hoàn thiện mô hình HTX kiểu mới theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ở các vùng, đặc biệt ở các vùng kinh tế trọng điểm, từ đó xây dựng và nhân rộng mô hình thí điểm ở các vùng đó.

**2.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã:** Tiên hành rà soát tình hình hoạt động của các hợp tác xã, giải thể các hợp tác xã ngừng hoạt động lâu năm không giải thể được do chưa xử lý được tài chính, tài sản, nợ đọng.... Tập trung hướng dẫn các HTX chưa chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX 2012. Đẩy mạnh việc thành lập các HTX kiểu mới tại các địa phương, chú trọng các địa phương còn ít HTX. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành việc đăng ký lại các HTX đang hoạt động, giải thể các HTX ngừng hoạt động. Trong

trường hợp các HTX không thực hiện đăng ký lại thì thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thực hiện giải thể bắt buộc. Giải thể các HTX ngừng hoạt động, trong đó để tháo gỡ khó khăn cho việc giải thể thì cần phải rà soát, đánh giá và ban hành một số cơ chế xử lý dứt điểm các tồn đọng của các HTX.

Nâng cao hoạt động của các HTX thông qua tăng cường năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động, kinh doanh cho các HTX, các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm. Từng bước mở rộng quy mô hoạt động của các HTX. Bên cạnh phương thức sáp nhập, hợp nhất để tăng quy mô và hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, HTX có thể liên kết kinh tế với các HTX khác cùng hoạt động trên cùng lĩnh vực, ngành nghề trên nhiều địa bàn lãnh thổ khác nhau để nâng cao hiệu quả, giảm chi phí, hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của mình trên thị trường.

**2.6. Phát triển hợp tác quốc tế về KTTT, HTX:** Khuyến khích hợp tác quốc tế trong phát triển KTTT, HTX, nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào hợp tác xã mạnh. Tiếp thu các hỗ trợ phát triển trong việc thành lập và nâng cao năng lực hợp tác xã. Thành lập và nâng cao năng lực cơ cấu trợ giúp tổ chức KTTT. Từng bước mở rộng hoạt động và phát huy vai trò hợp tác xã trong phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế, trước hết là Liên minh hợp tác xã quốc tế (ICA), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và các nước Đông Nam Á.

**2.7. Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong phát triển KTTT:** Hệ thống Liên minh HTX là tổ chức đại diện cho quyền lợi của các HTX, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở, cần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình là tuyên truyền, vận động phát triển hợp tác xã. Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển hợp tác xã...

**2.8. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT:** Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có vai trò không thể thiếu trong việc vận động, giáo dục nhân dân tự nguyện tham gia HTX, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong các tổ chức này. Cấp ủy và chính quyền các cấp hỗ trợ, tạo điều kiện và phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, đoàn thể, hội, hiệp hội trong việc tuyên truyền, vận động thành viên tham gia hợp tác xã, đưa Luật HTX năm 2012 vào cuộc sống, đặc biệt phát huy mạnh mẽ vai trò các đoàn thể có nhiều hội viên có thể tham gia hợp tác xã, như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh....

## V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT



**1. Về Luật Hợp tác xã năm 2012:** Về cơ bản, các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 đáp ứng được yêu cầu phát triển HTX trong cơ chế thị trường hiện nay. Vì vậy, trước mắt chưa cần thiết phải sửa Luật. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong Luật. Tuy nhiên, về lâu dài cần nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục những bất cập trong các quy định tại Luật HTX 2012 (tỷ lệ vốn góp, thủ tục giải thể bắt buộc, chế tài xử lý vi phạm Luật Hợp tác xã...) cho phù hợp với tình hình thực tế của mỗi giai đoạn phát triển.

**2. Về việc hoàn thiện các văn bản dưới luật, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã**

Để tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

**2.1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, phát triển Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về hợp tác xã. Xây dựng hệ thống đăng ký trực tuyến, trong đó có sự liên thông giữa thủ tục đăng ký hợp tác xã và đăng ký thuế để đảm bảo thống nhất, minh bạch quy trình đăng ký HTX trên toàn quốc.

- Xây dựng Chiến lược phát triển KTTT, HTX đến năm 2030 để có định hướng, chính sách tổng thể, lâu dài cho phát triển hợp tác xã.

- Nghiên cứu hướng dẫn thủ tục đăng ký chuyển đổi các HTX sang doanh nghiệp và các loại hình kinh tế khác.

- Hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg.

- Chủ trì xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở rà soát các nội dung Quyết định số 2261/QĐ-TTg đảm bảo hỗ trợ tập trung, phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi cao.

- Xây dựng hướng dẫn tiêu chí phân loại HTX để thực hiện thống nhất trên cả nước (thay thế tiêu chí quy định tại Thông tư 01/2006/TT-BKH ngày 19/1/2006 đã hết hiệu lực thi hành).

**2.2. Bộ Tài chính**

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách ưu đãi về thuế riêng cho các hợp tác xã để tạo điều kiện hỗ trợ hợp tác xã phát triển (xem xét quy định thuế thu nhập doanh nghiệp cho HTX chỉ bằng 70% so với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Miễn thuế 2 năm đầu đối với HTX mới thành lập. Hỗ trợ về thuế theo quy định trong

thời gian từ 03 đến 05 năm. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập có được từ góp vốn vào HTX...).

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng phương án liên thông giữa thủ tục đăng ký hợp tác xã và đăng ký thuế.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu và đề xuất phương án khoanh và xóa nợ thuế, nợ ngân hàng, nợ doanh nghiệp nhà nước, ... đối với các khoản nợ phát sinh từ 2010 trở về trước của HTX ngừng hoạt động không còn tài sản chung, không có khả năng trả nợ, tạo cơ sở cho việc giải thể các HTX.

- Hướng dẫn xử lý tài sản không chia của HTX khi giải thể, chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác. Quy định về đánh giá và thanh lý tài sản không chia của HTX trong trường hợp tài sản hư hỏng, không còn khả năng sử dụng.

- Hướng dẫn việc kiểm toán hợp tác xã theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật HTX 2012.

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX địa phương.

### **2.3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách hỗ trợ liên kết hợp tác sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định về chính sách hỗ trợ ngành nghề nông thôn, Nghị định sửa đổi Nghị định về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Trình Chính phủ phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển 15.000 HTX, LH HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả đến năm 2020.

- Xây dựng Đề án đưa cán bộ HTX có quy mô sản xuất lớn ra nước ngoài đào tạo, nâng cao năng lực sản xuất và quản lý theo hướng xã hội hóa.

- Xây dựng Đề án hỗ trợ phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

### **2.4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

- Ban hành cơ chế, chính sách để khuyến khích các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cho HTX vay vốn, đặc biệt là HTX nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tìm cơ chế tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện cho các HTX NN tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng, các tổ chức tín dụng (theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn) theo hướng mở rộng điều kiện cho vay đối với HTX không có tài sản

đảm bảo, từ gửi “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” cho Ngân hàng sang “*Hợp đồng liên kết với doanh nghiệp mua giống, vật tư và tiêu thụ sản phẩm*”.

- Hướng dẫn xử lý các khoản nợ các tổ chức tín dụng của HTX khi giải thể, phá sản.

- Đề xuất cơ chế định giá tài sản khi vay vốn và cho phép HTX được dùng tài sản hình thành trên đất sau khi định giá để thế chấp vay vốn tín dụng.

### **2.5. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội**

- Hướng dẫn về tiền lương làm căn cứ tính hưởng BHXH đối với trường hợp có thời gian làm chủ nhiệm HTX nhưng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí và được cộng nối với thời gian đã đóng BHXH để tính hưởng BHXH theo quy định của pháp luật hiện hành.

**2.6. Bộ Khoa học và Công nghệ:** Nghiên cứu, đề xuất có cơ chế riêng để HTX tham gia trong Chương trình hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

**2.7. Bộ Tài nguyên và Môi trường:** Nghiên cứu cơ chế, chính sách để các HTX được hỗ trợ về đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các HTX. Hỗ trợ HTX trong việc thuê đất, giao đất để xây dựng trụ sở làm việc.

### **2.8. Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung chính sách BHXH đối với những người làm việc trong các HTX cho phù hợp, nhất là đối với đội ngũ quản lý HTX có thời gian dài làm việc trong HTX.

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện chế độ BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ HTX.

## **3. Về tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật hợp tác xã 2012**

Để tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật hợp tác xã 2012 trong thời gian tới, đề nghị các cơ quan, bộ, ban, ngành, địa phương, các hợp tác xã:

### **3.1. Đối với các Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương**

- Tập trung tiếp tục chỉ đạo triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã và các văn bản liên quan.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chỉ đạo, hướng dẫn đối với các trường hợp HTX không đăng ký và tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012, các HTX giải thể nhưng vướng mắc về công nợ, vốn góp, không để các HTX tồn tại hình thức.

- Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng nhân rộng các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả, từng bước khẳng định KTTT, HTX là nhân tố quan trọng, góp phần phát triển kinh tế- xã hội.

### **3.2. Đối với các địa phương**

- Tập trung chỉ đạo, đề ra định hướng, triển khai cơ chế chính sách tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho KTTT phát triển tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của HTX trong điều kiện mới đối với các thành viên HTX và cộng đồng dân cư.

- Thành lập bộ phận hoặc bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT, HTX tại địa phương.

- Chủ động tiếp cận, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của HTX để kịp thời đề xuất các khó khăn, vướng mắc của địa phương mình với cơ quan có thẩm quyền để kịp thời tháo gỡ, tạo điều kiện tốt nhất cho HTX tại địa phương phát triển.

- Tổng hợp tình hình nợ đọng của HTX để có hướng xử lý dứt điểm tạo thuận lợi để HTX có tình hình tài chính lành mạnh.

### **3.3. Đối với các HTX**

- Thực hiện đúng các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi. Chuẩn bị kỹ phương hướng sản xuất kinh doanh. Xem xét đánh giá đúng các nguồn lực hiện có. Lựa chọn, bố trí cán bộ một cách phù hợp. Công khai, minh bạch phương án phân phối lợi nhuận, chỉ tiêu các quỹ để thành viên tin tưởng, yên tâm góp sức, góp vốn làm ăn lâu dài.

- Vận động thành viên tham gia vào các hoạt động của HTX để phát huy vai trò và trách nhiệm của thành viên đối với HTX.

- Tăng cường trao đổi kinh nghiệm với các mô hình HTX hoạt động đúng luật thành công, hiệu quả để học tập kinh nghiệm, nhân rộng mô hình.

## **4. Về nguồn vốn hỗ trợ phát triển hợp tác xã**

Hiện nay, chưa có nguồn vốn riêng cho Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển HTX được lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới nên việc cân đối, hỗ trợ cho khu vực hợp tác xã rất khó khăn.

Vi vậy, đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung

ương chưa phân bổ (10%) trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 và bố trí thành dòng riêng để hỗ trợ phát triển các hợp tác xã.

### 5. Về kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước

Đề tăng cường công tác quản lý nhà nước về hợp tác xã, đề nghị Thủ tướng chính phủ giao:

- Các Bộ, ngành Trung ương kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, tránh tình trạng không có đơn vị hoặc cán bộ chuyên trách theo dõi về KTTT, HTX.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước theo thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ, theo đó: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về KTTT, HTX.

6. Chính phủ ban hành Chỉ thị để tiếp tục đẩy mạnh triển khai Luật Hợp tác xã năm 2012./.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thành viên BCD đổi mới, phát triển KTTT, HTX TW;
- Lưu: Văn thư, HTX (50b).



Nguyễn Chí Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 69/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 15 tháng 01 năm 2018

#### Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Liên minh hợp tác xã;
- K13;
- Lưu: VT (04b).



Nguyễn Đức Thi



## B1. BIỂU CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ CƠ BẢN

(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	1/7/2013	Thực hiện năm			
				31/12/2013	2014	2015	31/12/2016
<b>I</b>	<b>Hợp tác xã</b>						
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%					
2	Tổng số hợp tác xã	HTX	18.986	19.131	19.481	19.599	19.569
	<i>Trong đó:</i>						
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	417	983	1.142	1.486	2.030
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	298	688	656	843	2.645
	Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả	HTX	4.137	5.486	5.320	5.359	6.011
3	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	7.639.641	7.776.961	7.410.895	7.149.824	6.252.416
	<i>Trong đó:</i>						
	Số thành viên mới	Thành viên	35.475	76.767	79.314	87.617	96.611
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	513.809	1.233.702	1.202.949	1.206.121	917.388
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	468.863	470.489	594.766	453.474	405.560
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên	2.758	25	24	22	30
4	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Thành viên	1.809.048	1.815.394	1.797.973	1.870.129	1.565.606
	<i>Trong đó:</i>						
	Số lao động thường xuyên mới	Người	32.978	119.814	123.468	55.348	136.324
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người	581.149	1.110.319	1.096.607	1.225.194	1.023.104
5	Tổng số vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	14.852.294	23.038.842	19.641.475	21.072.708	39.873.667
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng	9.784.075	10.753.543	9.912.231	11.566.303	15.871.252
7	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	1.771,0	2.518,7	2.696,7	2.938,3	3.017,1
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm	1.138,0	1.573,8	1.677,0	1.760,3	1.929,0
8	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	139,2	155	169,2	185,4	196,8
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	19,4	22,8	24,8	27,0	31,3

10	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	37.770	71.595	71.556	72.753	76.154
	<i>Trong đó:</i>			0	0	0	0
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	24.483	36.276	36.747	37.640	40.460
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	5.607	8.238	9.078	9.994	12.515
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người	8.661	10.569	10.746	10.776	14.772
<b>II</b>	<b>Liên hiệp hợp tác xã</b>						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	43	48	51	52	48
	<i>Trong đó:</i>		0	0	0	0	0
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	0	1	4	3	9
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX	5	5	5	5	10
	Số liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX	11	16	16	16	30
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	203	454	467	480	487
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người	15.239	16.778	16.819	17.447	18.941
4	Tổng số vốn hoạt động của LH HTX	Tr đồng	2.998.975	3.007.855	3.063.437	3.263.513	2.284.811
5	Tổng giá trị tài sản LH HTX	Tr đồng	39.830	50.041	34.290	32.347	28.163
6	Doanh thu bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm	10.315	554.155	576.365	595.768	311.590
7	Lãi bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm	1.708	46.385	58.483	63.062	69.203



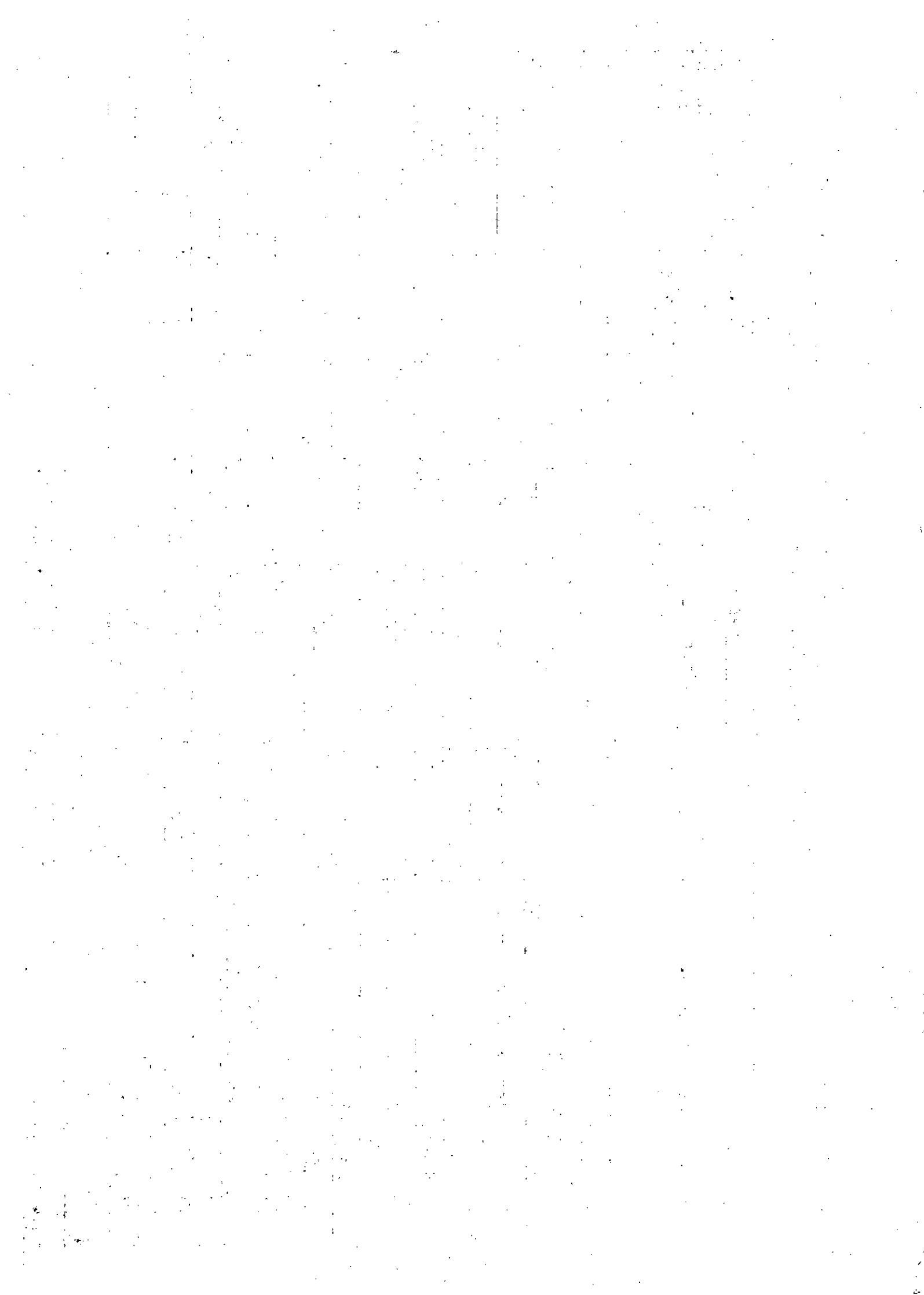
## B2. BIỂU SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ

(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	1/7/2013	Thực hiện năm			
				31/12/2013	2014	2015	31/12/2016
I	<b>HỢP TÁC XÃ</b>						
	Tổng số hợp tác xã	HTX	18.986	19.131	19.481	19.599	19.569
	Chia ra:						
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	9.692	9.964	10.455	10.788	10.574
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	2.549	2.627	2.653	2.515	2.222
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX	988	1.086	1.101	1.099	1.063
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX	1.062	1.084	1.085	1.087	1.116
5	Hợp tác xã thương mại	HTX	1.310	1.414	1.533	1.532	1.552
6	Hợp tác xã vận tải	HTX	1.009	1.018	1.027	982	999
7	Hợp tác xã môi trường	HTX	224	231	281	321	350
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX	8	8	8	8	8
9	Hợp tác xã khác	HTX	1.119	928	839	737	568
II	<b>LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b>		0	0	0	0	0
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX	44	44	47	47	43
	Chia ra:		0	0	0	0	0
1	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX	20	21	24	25	28
2	LH hợp tác xã công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp	LHHTX	3	3	3	3	2
3	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX	1	1	0	0	0
4	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX	2	2	2	2	2
5	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX	11	11	11	11	9
6	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX	5	5	5	4	4
7	LH HTX môi trường	LHHTX	0	0	0	0	0
8	LH HTX nhà ở	LHHTX	1	1	1	1	1
9	LH hợp tác xã khác	LHHTX	0	0	0	0	0



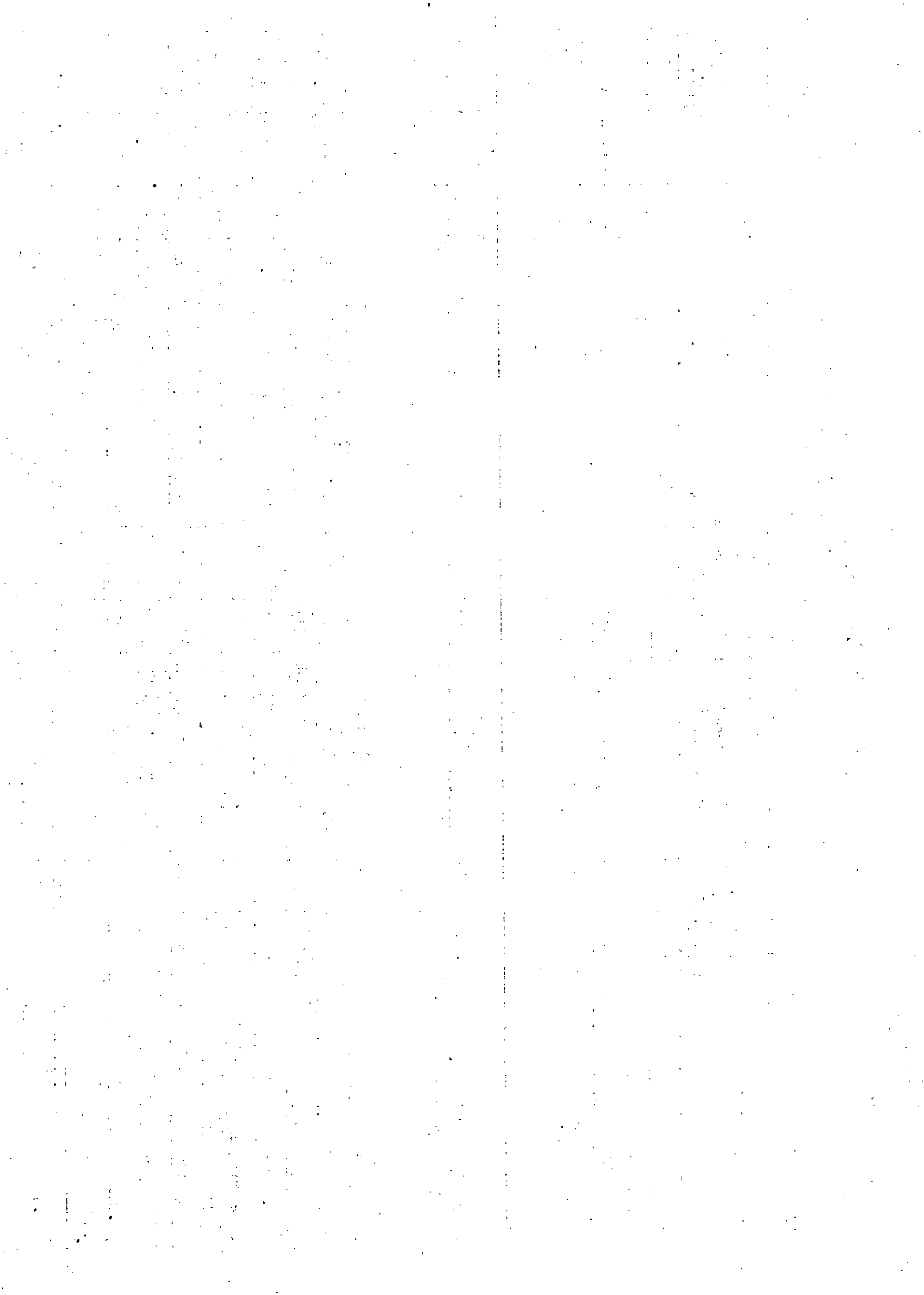




## B4. BIỂU TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung chính sách	1/7/2013		Kết quả thực hiện													
				31/12/2013		Năm 2014		Năm 2015		31/12/2016							
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí		Số lượng	Kinh phí					
									NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
	<b>TỔNG</b>																
<b>I</b>	<b>Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX</b>	<b>6.035</b>	<b>3.207</b>	<b>57.358</b>	<b>22.302</b>	<b>35.102,16</b>	<b>183.892,95</b>	<b>22.439</b>	<b>26.984,03</b>	<b>356.063,07</b>	<b>29.627</b>	<b>28.261,51</b>	<b>318.520,32</b>	<b>27.038</b>	<b>99.795,39</b>	<b>315.649,64</b>	
1	Đào tạo nguồn nhân lực	1.120	1.718	70	7.103	7.460,44	2.162,73	4.891	5.682,87	2.918,10	7.737	4.341,18	3.776,90	4.555	3.791,52	3.185,00	
2	Bồi dưỡng nguồn nhân lực	1.599	759	99	10.384	8.208,92	15.825,60	14.506	6.139,36	160.935,82	16.563	7.072,93	140.790,51	17.772	5.284,87	86.349,07	
3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	4	0	50	404	241,00	2.534,92	781	421,00	4.838,05	425	659,00	6.835,90	477	1.733,00	5.892,91	
4	Ứng dụng KHKT, công nghệ mới	402	590	2.326	716	1.245,80	10.441,50	662	2.270,80	22.069,10	1.727	1.424,40	16.398,02	593	2.974,00	10.590,93	
5	Tiếp cận vốn và Quỹ Hỗ trợ PT HTX	2885	140	44238	3596	16224	133706	1473	9826	124646	2726	12510	135918	3191	84170	192744	
6	Tạo điều kiện tham gia các CTMT, CT PTKT-XH	25	0	8.768	73	1.075,00	12.941,20	64	2.584,00	31.656,00	347,0	2.200,00	12.395,00	70	1.625,00	10.489,40	
7	Thành lập mới	149	0	704	447	956,24	4.192,86	407	959,68	3.834,62	783,0	906,55	5.420,59	679	905,00	4.316,28	
8	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	0	0	0	8	0,00	0,00	36	0,00	95,00	66,0	14,00	266,00	343	217,00	2.365,33	
9	Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương	0	0	1.807	18	647,00	6.281,00	26	60,00	8.905,00	36,0	40,00	2.140,00	37	0,00	4.033,00	
<b>II</b>	<b>Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX Nông nghiệp</b>																
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển KCHT	0	8.797	900	99	3.990,00	17.743,00	163,00	24.603,00	33.166,00	111,00	7.921,00	47.827,00	103,00	6.192,00	72.870,00	
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất	6	0	0	20	0,00	613,20	274,00	0,00	600,00	297,00	0,00	756,90	444,00	1.332,00	764,95	
3	Ưu đãi tín dụng	0	0	800	5	1.605,00	38.650,00	28,00	3.401,00	19.495,00	19,00	3.576,00	16.685,00	72,00	5.913,00	273.339,00	
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	0	0	2.310	19	0,00	4.564,00	21,00	5.055,00	5.489,00	43,00	800,00	5.744,00	48,00	904,00	12.682,00	
5	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm	0	0	0	0	0,00	0,00	3,00	0,00	2.275,00	24,00	408,00	1.260,00	21,00	0,00	1.100,00	



## B5. TỔNG NỢ ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

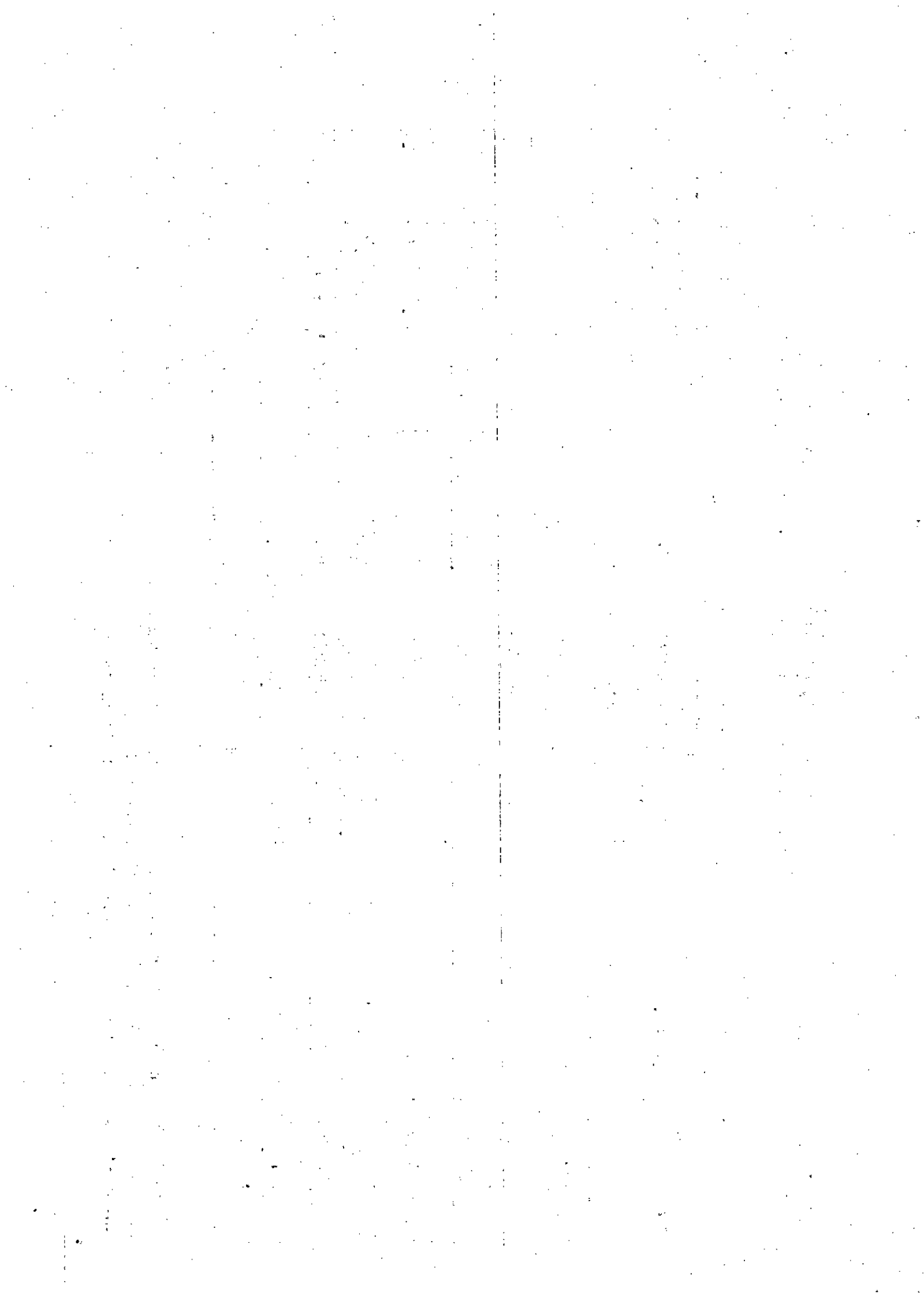
(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm					
			Nợ động phát sinh trước 01/01/1997			Nợ động phát sinh trước 01/01/1997 đến 01/7/2013		
			Tổng số	Nợ gốc	Lãi	Tổng số	Nợ gốc	Lãi
<b>I</b>	<b>HỢP TÁC XÃ</b>		12.060,08	10.181,08	1.879	283.803,83	221.895,69	16.017,31
1	Nợ của thành viên	Tr đồng	537,28	537,28	0	93.591,40	92.167,40	319,00
2	Nợ các tổ chức tín dụng	Tr đồng	8.957,00	7.078,00	1.879	87.195,10	64.033,56	15.451,54
3	Nợ Ngân sách nhà nước	Tr đồng	752,60	752,60	0	14.649,45	14.182,18	5,27
4	Nợ các đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp	Tr đồng	1.111,20	1.111,20	0	9.557,57	9.523,07	28,50
4	Nợ khác	Tr đồng	702,00	702,00	0	78.810,31	41.989,48	213,00
<b>II</b>	<b>THÀNH VIÊN NỢ HTX</b>	Tr đồng	32.776,80	32.076,80	700,00	381.674,49	381.655,40	19

Ghi chú: Số liệu các tỉnh báo cáo không đầy đủ, chỉ có từ 2-12 tỉnh, thành phố có báo cáo

Nợ động phát sinh trước 01/7/1997: chỉ có 03/63 tỉnh, thành phố báo cáo

Nợ động phát sinh từ 01/7/1997 đến 01/7/2013: Chỉ có 12/63 tỉnh, thành phố báo cáo





**Phụ lục 1**

**DANH MỤC VĂN BẢN TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ**

*(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012*

*của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**I. Các văn bản Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trực tiếp triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012**

1. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
2. Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo đó các HTX được bình đẳng tham gia vào kinh doanh vận tải bằng xe ô tô cùng với các đơn vị kinh doanh vận tải, tạo hành lang pháp lý minh bạch trong thị trường kinh doanh vận tải.
3. Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa.
4. Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 1/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư.
5. Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
6. Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015- 2020.
7. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”.
8. Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.
9. Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã.
10. Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân.

11. Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 21/05/2014 của Ngân hàng Nhà nước Hướng dẫn về tín dụng nội bộ hợp tác xã.
12. Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Ngân hàng nhà nước quy định về Quỹ tín dụng nhân dân
13. Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và báo cáo tình hình hoạt động.
14. Thông tư số 83/2015/TT- BTC ngày 28/05/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã.
15. Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp.
16. Thông tư số 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Ngân hàng Hợp tác xã
17. Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ, bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.
18. Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 5/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân.
19. Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.
20. Quyết định số 1459/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2016 kèm theo Kế hoạch tăng cường thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.
21. Quyết định số 1869/QĐ-BCT ngày 16/5/2016 của Bộ Công Thương giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ, Sở Công Thương các tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”.
22. Quyết định số 3418/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/8/2015 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg về tiếp tục thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

23. Chỉ thị số 2940/CT-BNN-KTHT ngày 13/4/2016 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và PTNT về việc đẩy mạnh phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

## **II. Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương liên quan đến tổ chức và hoạt động của hợp tác xã**

1. Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

3. Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (trích).

4. Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ Luật Lao động.

5. Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

6. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

7. Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

8. Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

9. Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm HTX có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước.

10. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

11. Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

12. Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

13. Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra.
14. Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”
15. Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020.
16. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
17. Quyết định 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.
18. Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/03/2013 quy định về cơ chế chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ).
19. Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã chế biến sản phẩm (thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp).
20. Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.
21. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư.
22. Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.
23. Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định sắp xếp hạng Quỹ tín dụng nhân dân.
24. Quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT ngày 10/4/2014 phê duyệt Kế hoạch Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.
25. Quyết định số 1443/QĐ-BNN-KTHT ngày 27/6/2014 về Chương trình hành động của Bộ nông nghiệp và PTNT thực hiện quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT.

26. Quyết định số 4930/QĐ-BNN- KTHT ngày 14/11/2014 về đổi mới tổ chức sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.

27. Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 05/8/2015 của Ngân hàng Nhà nước về các giải pháp nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn hệ thống hoạt động tổ chức tín dụng là hợp tác xã, phê duyệt phương án cơ cấu lại Ngân hàng Hợp tác xã, thực hiện tái cơ cấu hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

### **III. Một số văn bản các địa phương**

1. Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với các đối tác kinh tế khác trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Kế hoạch số 1475/KH-UBND ngày 23/9/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về triển khai Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

3. Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2015-2020.

4. Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.

5. Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2014-2020.

6. Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 8/7/2015 của UBND tỉnh Hòa Bình về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2015-2020.

7. Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 09/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thi hành Luật HTX trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2016.

8. Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 08/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

9. Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 17/01/2014 của Tỉnh ủy Hải Dương về triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị.

10. Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về chuyển đổi các HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012 giai đoạn 2014-2016 của tỉnh Thái Bình.

11. Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.
12. Kế hoạch số 3571/KH-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2016-2020.
13. Kế hoạch số 6601/KH-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Tổng điều tra HTX và hỗ trợ tổ chức lại, chuyên đổi HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
14. Chương trình hành động số 893/Ctr-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
15. Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Nam Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020.
16. Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Đề án Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Nam Định.
17. Kế hoạch số 69/KH-BCĐ ngày 15/6/2016 của Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh Ninh Bình về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Luật HTX 2012.
18. Kế hoạch số 2270/KH-UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU của Tỉnh ủy Hà Nam về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.
19. Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.
20. Kế hoạch số 7344/KH-UBND ngày 30/9/2014 của UBND thành phố Hải Phòng phân công nhiệm vụ cho các quận, huyện, sở ngành về phát triển nâng cao hiệu quả KTTT tại Hải Phòng.
21. Kế hoạch số 3785/KH-UBND ngày 28/8/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.
22. Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.
23. Văn bản số 808/UBND-KTN ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Luật HTX năm 2012 trong việc chuyển đổi mô hình HTX.
24. Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề án đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020.

25. Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 05/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về mục tiêu, kế hoạch phát triển HTX đến năm 2020.
26. Quyết định số 2100/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2015-2020.
27. Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 01/10/2013 về thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.
28. Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.
29. Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 về việc phê duyệt Đề án phát triển HTX tỉnh Lào Cai giai đoạn 2013-2015.
30. Kế hoạch số 177/KH-BCĐ ngày 29/10/2014 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT tỉnh Lào Cai về triển khai thi hành Luật HTX 2012 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
31. Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.
32. Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Đề án xây dựng HTX kiểu mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.
33. Quyết định số 419/2015/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về Quy chế phối hợp giữa cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, HTX, LH HTX trên địa bàn tỉnh.
34. Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 31/8/2013 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên HTX chuẩn bị thành lập và các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX trên địa bàn tỉnh.
35. Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2014-2020.
36. Kế hoạch số 2091/KH-UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ về phát triển KTTT tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013-2015.
37. Kế hoạch số 2274/KH-UBND ngày 15/6/2015 về phát triển KTTT tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.
38. Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 12/7/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.
39. Văn bản số 1551/UBND-NNTNMT ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

40. Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về thành lập và phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Giang.

41. Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

42. Văn bản số 5841/UBND-NL ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

43. Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015-2020.

44. Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về đẩy mạnh phát triển kinh tế HTX trên địa bàn tỉnh.

45. Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Luật HTX năm 2012.

46. Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển HTX tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2020.

47. Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về tuyên truyền, phổ biến Luật HTX năm 2012.

48. Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai Chương trình hành động và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

49. Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2016-2020.

50. Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Đề án phát triển KTTT thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020.

51. Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích HTX giai đoạn 2014-2020.

52. Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Quảng Ngãi.

53. Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức HTX trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.



54. Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.
55. Văn bản số 5468/UBND-TH ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai Nghị định số 193/NĐ-CP, Chỉ thị số 56-CT/TU ngày 18/8/2015 về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp.
56. Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX 2012.
57. Văn bản số 2398/UBND-KT ngày 23/6/2014 của UBND tỉnh Phú Yên chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Luật HTX 2012.
58. Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đẩy mạnh phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.
59. Kế hoạch số 2734/KH-UBND ngày 21/5/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng triển khai chương trình, kế hoạch tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.
60. Kế hoạch số 3526/KH-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.
61. Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020.
62. Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về đẩy mạnh phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.
63. Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về kế hoạch phát triển HTX giai đoạn 2016-2020.
64. Kế hoạch số 1647/KH-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX.
65. Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 33-KH/TU của Tỉnh ủy Đắk Nông.
66. Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 13/7/2015 về hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2016-2020.
67. Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý HTX, THT trên địa bàn tỉnh, phân định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước đối với HTX, THT.

68. Quyết định số 3521/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.

69. Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

70. Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về Quy chế phối hợp hoạt động trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh.

71. Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trên lĩnh vực nông nghiệp.

72. Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển KTTT 5 năm 2016-2020.

73. Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020.

74. Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013.

75. Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc triển khai thực hiện Luật HTX 2012.

76. Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án củng cố, phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

77. Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 quy định mức chi hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, THT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

78. Văn bản số 4542/UBND-KHTH ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.

79. Kế hoạch số 3797/KH-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.

80. Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 19/12/2013 của Tỉnh ủy và triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

81. Văn bản số 913/UBND-VP ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

82. Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT 05 năm giai đoạn 2016-2020.
83. Chương trình hành động số 251/CTr-UBND ngày 27/5/2016 thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tựa vùng Đồng bằng sông Cửu Long” tại An Giang giai đoạn 2016-2020.
84. Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu về phát triển KTTT giai đoạn 2016-2020.
85. Văn bản số 4073/UBND-KT ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với KTTT trên địa bàn tỉnh.
86. Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển đổi các HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012.
87. Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về phát triển KTTT tỉnh Cà Mau 5 năm giai đoạn 2016-2020.
88. Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp hoạt động lĩnh vực KTTT trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
89. Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015-2020.
90. Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch phát triển KTTT giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
91. Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh.
92. Kế hoạch số 1081/KH-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh Bến Tre về việc chuyển đổi các HTX trên địa bàn tỉnh theo Luật HTX 2012.
93. Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của UBND tỉnh Bến Tre quy định mức hỗ trợ cho cán bộ, thành viên được HTX cử đi đào tạo tập trung trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
94. Kế hoạch số 60/KH-UBND Ngày 25/5/2015 của UBND thành phố Cần Thơ về hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.
95. Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 03/7/2015 của UBND thành phố Cần Thơ về phát triển KTTT 5 năm giai đoạn 2016-2020.
96. Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014-2016 và định hướng đến 2020.

97. Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Kế hoạch Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

98. Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 26/03/2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về củng cố và nâng cao chất lượng KTTT giai đoạn 2016-2020.

99. Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 28/07/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp quy định một số chính sách ưu đãi và mức chi hỗ trợ phục vụ cho phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

100. Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh Long An phê duyệt Đề án phát triển KTTT tỉnh Long An đến năm 2020.

101. Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh Long An phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

102. Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang về Quy chế phối hợp trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Phụ lục 2**

**DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ BAN HÀNH VĂN BẢN TRIỂN KHAI  
THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ 2012**

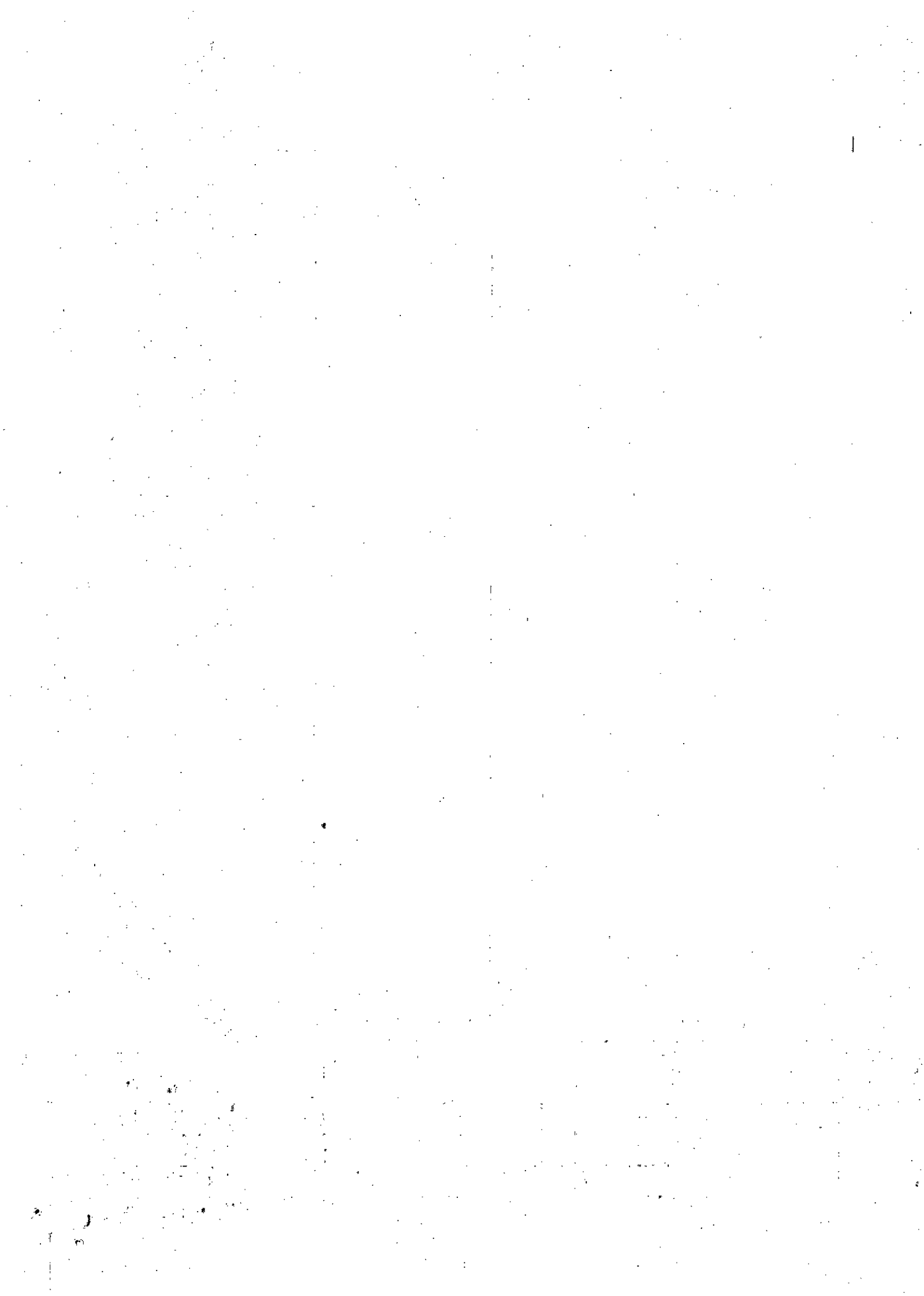
*(Kèm theo báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012*

*của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

STT	TÊN TỈNH, TP	BCĐ PT KTTT	Văn bản của địa phương			
			VB của Tỉnh ủy/HĐND	VB của UBND	KH, CT/ Đề án về KTTT	CS hỗ trợ KTTT
1	Hà Nội	x	x	x	x	
2	Hà Giang	x	x	x	x	x
3	Cao Bằng	x	x	x	x	x
4	Bắc Kạn	x	x	x	x	x
5	Tuyên Quang		x	x	x	x
6	Lào Cai	x	x	x	x	x
7	Điện Biên	x	x	x	x	
8	Lai Châu	x		x	x	
9	Sơn La	x	x	x	x	x
10	Yên Bái		x	x	x	
11	Hòa Bình	x	x	x	x	x
12	Thái Nguyên	x	x	x	x	x
13	Lạng Sơn	x	x	x	x	x
14	Quảng Ninh	x	x	x	x	x
15	Bắc Giang	x	x	x	x	x
16	Phú Thọ	x	x	x	x	x
17	Vĩnh Phúc		x	x	x	
18	Bắc Ninh	x		x	x	x
19	Hải Dương	x	x	x	x	
20	Hải Phòng	x	x	x	x	
21	Hung Yên			x	x	
22	Thái Bình	x	x	x	x	
23	Hà Nam	x	x	x	x	

24	Nam Định	x	x	x	x	
25	Ninh Bình	x	x	x	x	
26	Thanh Hóa	x	x	x	x	x
27	Nghệ An	x	x	x	x	x
28	Hà Tĩnh	x	x	x	x	x
29	Quảng Bình	x	x	x	x	x
30	Quảng Trị	x	x	x	x	x
31	Thừa Thiên Huế	x	x	x	x	x
32	Đà Nẵng	x	x	x	x	x
33	Quảng Nam	x	x	x	x	x
34	Quảng Ngãi	x		x	x	x
35	Bình Định	x	x	x		x
36	Phú Yên	x	x	x	x	x
37	Khánh Hòa	x		x	x	
38	Ninh Thuận	x		x	x	
39	Bình Thuận	x	x	x	x	x
40	Kon Tum	x	x	x	x	
41	Gia Lai	x	x	x	x	x
42	Đắk Lắk	x	x	x	x	
43	Đắk Nông	x	x	x	x	x
44	Lâm Đồng	x	x	x	x	x
45	Bình Phước	x	x	x	x	x
46	Tây Ninh	x		x	x	
47	Bình Dương	x	x	x	x	x
48	Đồng Nai	x	x	x	x	x
49	Bà Rịa- Vũng Tàu	x	x	x		
50	Hồ Chí Minh	x	x	x	x	x
51	Long An	x		x	x	x
52	Tiền Giang	x	x	x	x	x
53	Bến Tre	x	x	x	x	x
54	Trà Vinh	x	x	x	x	x
55	Vĩnh Long	x	x	x	x	x
56	Đồng Tháp	x	x	x	x	x
57	An Giang		x	x	x	x

58	Kiên Giang	x	x	x	x	
59	Cần Thơ	x		x	x	x
60	Hậu Giang	x	x	x	x	x
61	Sóc Trăng	x	x	x	x	
62	Bạc Liêu	x	x	x	x	x
63	Cà Mau	x	x	x	x	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>58</b>	<b>54</b>	<b>63</b>	<b>61</b>	<b>42</b>





**Phụ lục 3**

**DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THÀNH LẬP  
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ**

*(Kèm theo báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012  
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

TT	TÊN TỈNH, TP	Thời gian thành lập	Vốn ĐL theo QĐ thành lập (Triệu đồng)	Số vốn hoạt động của Quỹ đến 31/12/2016 ( Triệu đồng)		
				Tổng vốn hoạt động	Vốn được cấp từ NS	Nguồn khác
1	Hà Nội	21/01/2008	5.000	133.224	125.000	8.224
2	Hà Giang	30/5/2014	8.000	5.018	5.000	18
3	Cao Bằng	Chưa thành lập				
4	Bắc Kạn	18/11/2016	1.000	1.000	1.000	
5	Tuyên Quang	12/6/2017	10.000	3.000	3.000	
6	Lào Cai	Chưa thành lập				
7	Điện Biên	21/8/2014	1.000	1.026	1.000	26
8	Lai Châu	17/7/2009	3.000	8.080	8.000	80
9	Sơn La	13/8/2014	10.000	1.895	1.788	107
10	Yên Bái	07/4/2011	3.000	2.980	2.960	20
11	Hòa Bình	12/2/2015	20.000	1.600	1.600	
12	Thái Nguyên	30/10/2009	5.000	22.520	22.000	520
13	Lạng Sơn	25/11/2014	3.000	3.000	3.000	
14	Quảng Ninh	26/11/2012	10.000	30.000	30.000	
15	Bắc Giang	30/12/2011	10.000	10.034	9.000	1.034
16	Phú Thọ	20/8/2009	8.000	8.242	8.000	242
17	Vĩnh Phúc	5/9/2008	30.000	44.204	39.650	4.554
18	Bắc Ninh	20/9/2012	30.000	30.500	30.000	500
19	Hải Dương	17/12/2009	3.000	3.136	3.000	136
20	Hải Phòng	14/5/2009	10.000	2.660	2.500	160
21	Hưng Yên	10/6/2011	6.000	15.200	15.200	

22	Thái Bình	Chưa thành lập				
23	Hà Nam	20/01/2017	8.000	5.000	5.000	
24	Nam Định	Chưa thành lập				
25	Ninh Bình	5/5/2009	1.550	1.550	500	1.050
26	Thanh Hóa	Chưa thành lập				
27	Nghệ An	Chưa thành lập				
28	Hà Tĩnh	5/2/2009	5.000	21.500	20.000	1.500
29	Quảng Bình	Chưa thành lập				
30	Quảng Trị	17/3/2009	10.000	11.374	10.000	1.374
31	Thừa Thiên Huế	Chưa thành lập				
32	Đà Nẵng	10/4/2012	5.000	5.000	5.000	
33	Quảng Nam	13/01/2012	15.000	41.503	40.680	823
34	Quảng Ngãi	29/3/2016	27.000	27.000	25.000	2.000
35	Bình Định	Chưa thành lập				
36	Phú Yên	Chưa thành lập				
37	Khánh Hòa	5/01/2010	3.000	0		
38	Ninh Thuận	Chưa thành lập				
39	Bình Thuận	Chưa thành lập				
40	Kon Tum	1/3/2016	5.000	2.000	2.000	
41	Gia Lai	Chưa thành lập				
42	Đắk Lắk	19/4/2007	9.000	9.083	7.446	1.637
43	Đắk Nông	8/4/2014	1.000	4.050	4.000	50
44	Lâm Đồng	9/3/2010	3.000	7.845	7.000	845
45	Bình Phước	19/11/2013	8.000	2.000	2.000	
46	Tây Ninh	5/5/2014	20.000	20.000	20.000	
47	Bình Dương	30/7/2012	50.000	53.577	50.000	3.577
48	Đồng Nai	13/6/2008	30.000	44.135	32.840	11.295
49	Bà Rịa- Vũng Tàu	25/12/2009	10.000	10.555	10.000	555
50	Hồ Chí Minh	13/6/2002	10.000	792.000	90.000	702.000
51	Long An	5/8/2013	5.000	8.542	8.000	542
52	Tiền Giang	15/6/2004	10.000	10.000	10.000	
53	Bến Tre	Chưa thành lập				
54	Trà Vinh	26/11/2015	5.000	5.000	5.000	
55	Vĩnh Long	Chưa thành lập				

56	Đồng Tháp	27/12/2012	10.000	20.000	20.000	
57	An Giang	7/5/2004	7.000	7.000	7.000	
58	Kiên Giang	Chưa thành lập				
59	Cần Thơ	Chưa thành lập				
60	Hậu Giang	27/3/2012	10.000	10.000	10.000	
61	Sóc Trăng	27/11/2009	5.000	5.000	5.000	
62	Bạc Liêu	3/7/2012	10.000	5.404	5.000	404
63	Cà Mau	15/4/2009	2.500	14.072	12.500	1.572
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46</b>				

